TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 128/2021/DS-PT
Ngày 12-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/TLPT-DS ngày 23/3/2021 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2021/QĐ-PT ngày 08/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Lộc Hạ, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1974 (có mặt)

2.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Phú Lộc Hạ, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Minh V - Văn phòng Luật sư Trần Minh V, Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà làm chủ hai dây hụi có lãi, bà L là hụi viên, cụ thể hai dây hụi như sau:

- Dây hụi thứ nhất mở ngày 10/11/2017, hụi 500.000 đồng, mỗi tháng mở hụi một lần. Dây hụi này có 33 phần, hụi mãn vào ngày 10/7/ 2020. Bà L tham gia chơi hai phần và đã hốt hụi vào tháng thứ nhất và tháng thứ hai. Tòa án đã giải quyết số tiền hụi chết đến tháng 10 năm 2019. Từ tháng 11 năm 2019 đến khi mãn hụi, bà L không đóng tiền hụi chết, hiện bà L còn nợ lại 09 tháng hụi chết với số tiền 9.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai mở ngày 30/01/2018 (theo âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng mở hụi một lần. Dây hụi có 34 phần, mãn hụi vào ngày 30/10/2020. Bà L tham gia chơi hai phần và đã hốt hụi vào tháng thứ ba và tháng thứ 4. Tòa án giải quyết tiền hụi chết đến tháng 10 năm 2019. Từ tháng 11 năm 2019 đến khi mãn hụi bà L không đóng tiền hụi chết, còn nợ lại 12 tháng hụi chết với số tiền 24.000.000 đồng.

Tổng cộng bà L còn nợ bà H số tiền hụi chết là 33.000.000 đồng. Nay, bà yêu cầu bà L và chồng là ông Nguyễn Văn A liên đới trả số tiền 33.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ông bà thừa nhận có tham gia chơi hai dây hụi do bà H làm chủ. Khi hốt hụi thì bà H đã giao đủ tiền hụi, ông bà chỉ còn nợ tiền hụi chết 35.000.000 đồng và đã được giải quyết xong tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M. Nay, ông bà không còn nợ bà H nữa nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện M đã áp dụng các Điều 471, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/01/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bà H, bà L trình bày thống nhất nội dung bà L có tham gia 04 dây hụi, các dây hụi này bà H đã có khởi kiện tại Tòa án, bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật buộc ông A, bà L trả cho bà H

35.000.000 đồng. Bị đơn đã liên hệ với thi hành án để trả tiền nhưng bà H không đồng ý nhận. Lẽ ra, bà H phải liên hệ thi hành án để nhận tiền nhưng lại khởi kiện yêu cầu bà L, ông A trả tiền trong 04 dây hụi này là không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không cung cấp được chứng cứ thể hiện giữa hai bên có phát sinh khoản nợ 33.000.000 đồng mà chỉ có giấy nợ do chính bà H ghi có nội dung đến ngày 03/10/2019 bị đơn còn thiếu 35.000.000 đồng và số tiền này đã được giải quyết tại Bản án sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST nên cấp sơ thẩm buộc ông A, bà L phải trả số tiền 33.000.000 đồng là không khách quan. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm, không chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo, bà H trình bày: Ông A, bà L chưa đóng cho bà các phần hụi chết từ tháng 11/2019 đến khi mãn hụi, trong khi đó bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật chỉ giải quyết các dây hụi đến tháng 10/2019 nên yêu cầu khởi kiện của bà là có căn cứ. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Ông A, bà L không cung cấp được chứng cứ thể hiện có đóng tiền hụi chết của hai dây hụi ngày 10/11/2017 và 30/01/2018 nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả số tiền hụi chết 33.000.000 đồng là phù hợp, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông A, bà L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị L; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn, bị đơn trình bày thống nhất bà H làm chủ hai dây hụi khui ngày 10/11/2017 và ngày 30/01/2018, bà L tham gia hai phần hụi trong mỗi dây và đã hốt hụi, bà H cũng đã giao đủ tiền hụi hốt được cho bà L nên đây là các chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bà H cho rằng bà L, ông A còn nợ lại tiền hụi chết của hai dây hụi nêu trên với số tiền 33.000.000 đồng nên khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hụi. Trong khi đó, bị đơn cho rằng chỉ nợ tiền hụi chết 35.000.000 đồng và đã được giải quyết xong tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện M nên không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Căn cứ Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre có cơ sở xác định trước đây giữa bà H với

bà L, ông A đã phát sinh tranh chấp đối với 04 dây hụi, trong đó có hai dây hụi khui ngày 10/11/2017 và ngày 30/01/2018 hiện đang tranh chấp trong vụ án này. Tại thời điểm giải quyết vụ án trên, do hai dây hụi này chưa mãn nên bà H chỉ yêu cầu giải quyết buộc ông A, bà L trả cho bà số tiền hụi chết đến tháng 10 năm 2019. Trong phần nhận định của bản án đã ghi nhận *"Đối với số tiền nợ hụi chết còn lại từ tháng 12/2019 đến tháng 8/2020 của dây hụi mở ngày 10/11/2017 và số tiền hụi chết còn lại từ tháng 11/2019 đến tháng 10/2020 của dây hụi mở ngày 30/01/2018 các bên đương sự tự thỏa thuận phía bị đơn tiếp tục trả hụi chết theo hàng tháng, không yêu cầu giải quyết trong vụ án nên không xem xét".* Như vậy, Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện M đã có hiệu lực pháp luật chưa giải quyết đối với số tiền hụi chết từ tháng 11 âm lịch năm 2019 cho đến khi mãn các dây hụi, đồng thời bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện đã đóng số tiền hụi chết trong thời gian nêu trên cho nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị L;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 471, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn A phải có nghĩa vụ liên đới chịu 1.650.000 (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp 825.000 (Tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005731 ngày 03/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[2.2] Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn A mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0005838 và 0005839 ngày 12/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng